| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI**<br>**TỈNH HƯNG YÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
| Số: 155/2018/QĐST-HNGĐ | *Ân Thi, ngày 28 tháng 12 năm 2018* |

# QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC Đ□ƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 172/2018/TLST - HNGĐ ngày 03/12/2018 giữa:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị N - sinh năm 1993**

Trú tại: Thôn T, xã A, huyện V, tỉnh Y.

- Bị đơn: **Anh Lê Đức H - sinh năm 1986**

Trú tại: Thôn B, xã Q, huyện Ân Thi, Hưng Yên.

- Người có quyền lợi liên quan:

1. **Cháu Lê Yến N sinh ngày 21/12/2012**
2. **Cháu Lê Hà T sinh ngày 27/8/2014**

Người đại diện của hai cháu: Chị Nguyễn Thị N.

Đều trú tại: Trú tại: Thôn T, xã A, huyện V, tỉnh Y.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20/12/2018.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20/12/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Đức Hiển.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Đức H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lê Yến N sinh ngày 21/12/2012 và Lê Hà T sinh ngày 27/8/2014. Anh chị thỏa thuận để chị N nuôi hai con chung đến khi thành niên, anh H cấp dưỡng nuôi con cho chị N 2.500.000đ/tháng/cháu, kể từ tháng 01/2019 cho đến khi các cháu thành niên. Anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu anh H chậm trả khoản tiền nói trên thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về án phí: Chị N tự nguyện chịu cả 150.000đ án phí STDS (được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0000130 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi). Hoàn lại chị N 150.000đ. Anh H phải chịu 150.000đ án phí cấp dưỡng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Nơi nhận:**
- *VKSND huyện Ân Thi.*
- *THA dân sự huyện Ân Thi*
- *UBND xã Q*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS.*

***Phạm Bá Hân***